

Số: /TTr-SNN

Bình Định, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung giải quyết thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 17/4/2019; Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; Quyết định số 4561/QĐ-UBND ngày 01/11/2020; Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung giải quyết 04 thủ tục hành chính không liên thông cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Dự thảo Quyết định và Quy trình kèm theo).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPUBND tỉnh (P.KSTT);
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Phúc

Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG CẤP TỈNH,
CẤP HUYỆN TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành theo Tờ trình số: /TTr-SNN ngày / /2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)	
1	-	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	a) 05 ngày làm việc (Đối với trường hợp không cần kiểm tra thực tế điều kiện nuôi, trồng; trừ các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở)	1/2 ngày	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm: 03 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 1/2 ngày.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm: 01 ngày	1/2 ngày	Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 04/01/2022; và Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 08/5/2020
			b) Không quá 25 ngày làm việc (Đối với trường hợp cần kiểm tra thực tế điều kiện nuôi, trồng)	1/2 ngày	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm: 23 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 ngày; 2. Chuyên viên giải quyết: 21 ngày; 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm: 01 ngày	1/2 ngày	

			c) Đối với các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở: Không quá 25 ngày làm việc <i>(trong thời gian chờ Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trả lời, không tính vào thời gian 25 ngày nêu trên)</i>	1/2 ngày	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm: 22,5 ngày, cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 1/2 ngày. 2. Chuyên viên soạn thảo văn bản gửi Cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận về việc nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng không làm ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài nuôi và các loài khác có liên quan trong tự nhiên: 1/2 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt, trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm văn bản gửi Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 1/2 ngày. 4. Gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đề nghị dừng thời gian chờ xác nhận của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 15 ngày làm việc kể từ ngày Chi cục ban hành văn bản lấy ý kiến và gửi bản điện tử đến địa chỉ email do Cơ quan khoa học CITES Việt Nam cung cấp (trong thời gian chờ Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trả lời, không tính vào thời gian thực hiện trong 25 ngày nêu trên). 5. Sau khi nhận văn bản xác nhận của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam, chuyên viên giải quyết: 20 ngày; 6. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 ngày.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm: 1,5 ngày a) Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt văn bản lấy ý kiến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 1/2 ngày; b) Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm duyệt kết quả: 01 ngày	1/2 ngày	
			d) Gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng		Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.			

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết (ngày)	(3) Trình tự các bước thực hiện (ngày làm việc)				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo UBND huyện/thị xã/thành phố (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Bộ phận chuyên môn (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố)	
01	Xác nhận bảng kê lâm sản	10 ngày làm việc	0,5 ngày (Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận hồ sơ chuyển đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc Hạt kiểm lâm liên huyện)	1. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công xử lý hồ sơ: 01 ngày. 2. Kiểm lâm viên giải quyết: 07 ngày.	01 ngày (Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm ký xác nhận)	0,5 ngày (Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận, trả kết quả)	Quyết định số 1313/QĐ- UBND ngày 17/4/2019
02	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	04 ngày làm việc	0,5 ngày (Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận hồ sơ chuyển đến Hạt Kiểm lâm cấp huyện hoặc Hạt kiểm lâm liên huyện)	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm phân công xử lý hồ sơ: 0,5 ngày. - Kiểm lâm viên giải quyết: 02 ngày (trong trường hợp có thông tin vi phạm thì thời gian kiểm tra được gian hạn nhưng tối đa không quá 02 ngày).	0,5 ngày (Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm ký xác nhận)	0,5 ngày (Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận, trả kết quả)	Quyết định số 4561/QĐ- UBND ngày 04/11/2020

03	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (Đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư)	19 ngày làm việc	0,5 ngày (Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận hồ sơ chuyển đến Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế)	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế thẩm định hồ sơ: 14 ngày, cụ thể: - Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày. - Chuyên viên giải quyết: 11 ngày. - Lãnh đạo Phòng ký duyệt: 2,5 ngày	04 ngày (Văn phòng UBND cấp huyện giải quyết, trình Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh)	0,5 ngày (Bộ phận Một cửa huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận, trả kết quả)	Quyết định số 4969/QĐ-UBND ngày 30/12/2019
----	--	------------------	---	--	--	---	---